

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính
bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2 – 5
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	6 - 7
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	8 – 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	12 – 42

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/03/2012 với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 27.748.000.000 đồng, tương ứng với 2.774.800 cổ phần. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 10/06/2022, với số vốn điều lệ là 518.749.980.000 đồng, tương ứng với 51.874.998 cổ phần.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Hoàng Tuyên	Chủ tịch
- Ông Lê Xuân Tân	Phó chủ tịch
- Ông Nguyễn Văn Thủy	Thành viên
- Ông Nguyễn Xuân Đôn	Thành viên
- Ông Vũ Hồng Minh	Thành viên
- Ông Trần Thiện Sách	Thành viên
- Ông Lý Thái Hải	Thành viên (i) (Từ ngày 20/05/2022)

(i) Được bầu bổ sung vào HĐQT tại kỳ đại hội cổ đông thường niên năm 2022 theo Nghị quyết số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2022.

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm các vị như sau:

Ban Tổng Giám đốc:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Xuân Tân	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Thủy	Phó Tổng giám đốc
- Ông Trần Thiện Sách	Phó Tổng giám đốc (ii) Từ ngày 26/01/2022
- Ông Đào Mạnh Duy	Phó Tổng giám đốc
- Bà Cao Thị Hồng	Giám đốc Nhân sự - Marketing
- Bà Lê Thị Thúy An	Giám đốc Tài chính
- Ông Nguyễn Hữu Điệp	Phó Tổng giám đốc (iii) Từ ngày 07/03/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

- (ii) Theo quyết định số 09/2022/QĐ-HĐQT ngày 26/01/2022 về việc tăng cường nhân sự của Ban giám đốc Công ty và bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách mảng Dự án - Dược - Vật tư - Thiết bị Y tế.
- (iii) Theo quyết định số 13/2022/QĐ-HĐQT ngày 07/03/2022 về việc tăng cường nhân sự của Ban giám đốc Công ty và bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách mảng Kinh tế và Đầu tư.

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm:

Ban kiểm soát:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Vũ Văn Thành	Trưởng Ban Kiểm soát	
- Bà Lê Thị Hảo	Thành viên	
- Bà Lê Thị Ánh Hằng	Thành viên (từ ngày 20/05/2022)	(i)
- Ông Hoàng Thắng	Thành viên (đến ngày 20/05/2022)	(i)

(i): Theo Nghị quyết số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2022 của Đại hội đồng cổ đông.

Người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ tài chính và cho đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Hoàng Tuyên – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại: Số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

ngày 30 tháng 06 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

8. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 08 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HOÀNG TUYỀN

Số: 01 /2022/BCSX - PKF.NHN

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được lập ngày 12 tháng 08 năm 2022 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 42 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên tại ngày 30/06/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chữ Quang Tùng

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01a – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		223.960.621.318	193.674.065.461
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	118.775.688.223	133.571.316.553
Tiền	111		118.775.688.223	133.571.316.553
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		90.854.714.751	47.911.598.876
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.3	35.546.445.766	18.475.858.141
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	51.200.575.291	25.233.769.217
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	4.107.693.694	4.201.971.518
Hàng tồn kho	140	5.6	13.600.103.362	11.865.165.891
Hàng tồn kho	141		13.600.103.362	11.865.165.891
Tài sản ngắn hạn khác	150		730.114.982	325.984.141
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	721.991.389	325.984.141
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.16	8.123.593	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.102.445.296.823	1.092.245.061.963
Tài sản cố định	220		972.504.086.567	955.568.404.529
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	930.147.780.645	941.106.401.941
- Nguyên giá	222		1.016.533.790.879	1.009.044.436.811
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(86.386.010.234)	(67.938.034.870)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	42.356.305.922	14.462.002.588
- Nguyên giá	228		45.986.480.000	17.386.480.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.630.174.078)	(2.924.477.412)
Bất động sản đầu tư	230	5.10	36.332.755.937	36.764.162.388
- Nguyên giá	231		37.564.119.824	37.564.119.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.231.363.887)	(799.957.436)
Tài sản dở dang dài hạn	240		464.242.000	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	464.242.000	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	74.700.000.000	74.700.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	252		74.700.000.000	74.700.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		18.444.212.319	25.212.495.046
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	18.444.212.319	25.212.495.046
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.326.405.918.141	1.285.919.127.424

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 01a – DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
NỢ PHẢI TRẢ	300		491.885.902.055	505.692.547.115
Nợ ngắn hạn	310		278.101.846.246	259.155.426.766
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	21.075.144.902	21.992.139.422
Người mua trả tiền trước	312	5.17	2.060.972.998	1.354.380.241
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	1.150.190.969	1.636.322.856
Phải trả người lao động	314		7.281.850.085	4.558.488.274
Chi phí phải trả	315	5.14	907.913.982	937.847.672
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	245.625.773.310	228.676.248.301
Nợ dài hạn	330		213.784.055.809	246.537.120.349
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.15	7.398.181.819	7.518.181.819
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	206.385.873.990	239.018.938.530
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		834.520.016.086	780.226.580.309
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	834.520.016.086	780.226.580.309
Vốn góp của chủ sở hữu	411		518.749.980.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		518.749.980.000	415.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		315.770.036.086	365.226.580.309
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		261.476.600.309	222.502.211.307
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		54.293.435.777	142.724.369.002
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.326.405.918.141	1.285.919.127.424

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT





NGUYỄN THU THỦY

LÊ THỊ THÚY AN

HOÀNG TUYẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 02a – DN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	207.503.351.299	184.543.488.734
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		207.503.351.299	184.543.488.734
Giá vốn hàng bán	11	6.2	118.110.153.364	99.265.706.468
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		89.393.197.935	85.277.782.266
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	10.651.137	3.305.050
Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	19.929.689.142	21.370.711.837
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.475.849.142	20.916.871.837
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	13.595.957.797	12.713.783.937
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		55.878.202.133	51.196.591.542
Thu nhập khác	31	6.6	35.000.000	17.000.000
Chi phí khác	32	6.7	69.246.000	-
Lợi nhuận khác	40		(34.246.000)	17.000.000
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45		55.843.956.133	51.213.591.542
Chi phí thuế TNDN hiện hành	50	6.8	1.550.520.356	1.437.891.368
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	51		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		54.293.435.777	49.775.700.174
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.047	960
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	573	960

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT





NGUYỄN THU THỦY

LÊ THỊ THÚY AN

HOÀNG TUYẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03a – DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SX KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	55.843.956.133	51.213.591.542
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	19.585.078.481	15.278.651.960
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.651.137)	(3.305.050)
Chi phí lãi vay	06	19.929.689.142	20.916.871.837
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	95.348.072.619	87.405.810.289
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(42.951.239.468)	(1.261.829.044)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.734.937.471)	(2.641.669.282)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	27.565.415.751	744.357.134
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	6.372.275.479	3.149.855.335
Tiền lãi vay đã trả	14	(19.959.622.832)	(23.748.730.154)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.916.352.488)	(809.944.092)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	62.723.611.590	62.837.850.186
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(61.846.351.526)	(22.040.085.447)
Tiền chi đầu tư vốn vào đơn vị khác	25	-	(36.200.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.651.137	3.305.050
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(61.835.700.389)	(58.236.780.397)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	129.604.471.023	124.108.396.650
Tiền trả nợ gốc vay	34	(145.288.010.554)	(107.224.013.807)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15.683.539.531)	16.884.382.843
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	133.571.316.553	23.433.997.599
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	118.775.688.223	44.919.450.231

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN THU THỦY

LÊ THỊ THÚY AN

HOÀNG TUYỀN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/03/2012 với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 27.748.000.000 đồng, tương ứng với 2.774.800 cổ phần. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 10/06/2022, với số vốn điều lệ là 518.749.980.000 đồng, tương ứng với 51.874.998 cổ phần.

Hiện nay, Công ty quản lý và cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh tại 02 Bệnh viện là: Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên, địa chỉ tại số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 134/BYT-GPHĐ ngày 27/01/2014); và Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên, địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 261/BYT-GPHĐ ngày 04/12/2019).

Tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc đầu tư dự án Bệnh viện TNH Việt Yên. Ngày 07/04/2022, Công ty đã thành lập Chi nhánh Bệnh viện TNH Việt Yên tại Bắc Giang và bổ nhiệm người đứng đầu Chi nhánh để thay mặt công ty triển khai đầu tư xây dựng dự án và quản lý tài sản, nhân sự, hoạt động của Bệnh viện TNH Việt Yên sau khi dự án đi vào hoạt động (theo Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐQT ngày 07/04/2022). Chi nhánh Bệnh viện TNH Việt Yên tại Bắc Giang đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh lần đầu ngày 17/05/2022.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: khám, chữa bệnh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại: số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đơn vị trực thuộc:

Công ty có 03 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là:

- Chi nhánh Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên có địa chỉ tại số 328, đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 – 001.
- Chi nhánh Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình có địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 – 002.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) Mẫu số B 09a – DN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

- Chi nhánh Bệnh viện TNH Việt Yên có địa chỉ tại lô đất YT, đường Nguyễn Thế Nho, KDC Nguyễn Thế Nho, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 – 003.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 635 người (tại ngày 31/12/2021 là 627 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng Quản trị Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn). Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|-----------------|-----------------------|
| - Thuốc | Nhập trước xuất trước |
| - Vật tư y tế | Nhập trước xuất trước |
| - Hóa chất y tế | Nhập trước xuất trước |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn

hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty tạm tăng nguyên giá tài sản cố định là Tòa nhà Bệnh viện Đa khoa Yên Bình (địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên), Tòa nhà Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (địa chỉ tại số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) khi đưa vào sử dụng, do chưa thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng nên nguyên giá tài sản có thể thay đổi sau khi có quyết toán chính thức.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 06 - 48 năm
- Máy móc thiết bị: 06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 10 - 15 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 10 năm

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính: 08 – 20 năm
- Quyền sử dụng đất: 50 năm

4.5.3 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 42 - 46 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).
- (iv) Công ty con là công ty mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, dụng cụ y tế, vật tư y tế,... Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10. Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.13. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, và các chi phí tài chính khác phát sinh trong kỳ tài chính.

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Dịch vụ y tế do Công ty cung cấp không chịu thuế giá trị gia tăng. Các hoạt động khác ngoài dịch vụ y tế chịu thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập từ dịch vụ khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (địa chỉ, số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên) được hưởng ưu đãi với mức thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Các

khoản thu nhập ngoài hoạt động khám, chữa bệnh áp dụng mức thuế suất là 20%. Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 thu nhập từ hoạt động khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đang được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ dịch vụ khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình (địa chỉ, xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) được hưởng ưu đãi với mức thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Các khoản thu nhập ngoài hoạt động khám, chữa bệnh áp dụng mức thuế suất là 20%. Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022, thu nhập từ hoạt động khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên đang được miễn thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành: Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập, chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.15. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	908.379.382	3.604.062.125
Tiền gửi ngân hàng (ii)	117.867.308.841	129.967.254.428
Cộng	118.775.688.223	133.571.316.553
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2022 bao gồm:		
	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		908.379.382
Cộng		908.379.382
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2022 bao gồm:		
	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		117.867.308.841
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên		51.090.697.618
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Tỉnh Thái Nguyên		78.886.304
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên		336.327.417
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên - PGD Gang Thép		1.057.844.104
Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình - PGD Nam Đồng		65.002.356.175
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên		215.112.022
Các ngân hàng khác		86.085.201
Ngoại tệ		-
Cộng		117.867.308.841

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a – DN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.2 Đầu tư tài chính

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	-	-	-	-
b) Dài hạn	74.700.000.000	-	74.700.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết				
(i) Công ty CP Bệnh viện Sản Nhi Quốc tế TNH	43.200.000.000	-	43.200.000.000	-
(ii) Công ty CP Bệnh viện Mắt Quốc tế TNH	31.500.000.000	-	31.500.000.000	-
Cộng	74.700.000.000	-	74.700.000.000	-

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên kết:

(i) Vốn điều lệ của Công ty CP Bệnh viện Sản Nhi Quốc tế TNH theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 90.000.000.000 đồng (tương ứng với 9.000.000 cổ phần), trong đó Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nắm giữ 48% vốn điều lệ.

(ii) Vốn điều lệ của Công ty CP Bệnh viện Mắt Quốc tế TNH theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 70.000.000.000 đồng (tương ứng với 7.000.000 cổ phần), trong đó Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nắm giữ 45% vốn điều lệ.

5.3 Phải thu khách hàng

	30/06/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	35.546.445.766	18.475.858.141
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Thái Nguyên	33.339.477.043	16.131.662.532
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	83.548.000	63.819.000
Công ty CP Dịch vụ thương mại Tam Phát	360.000.000	450.000.000
Công ty TNHH WIHA Việt Nam	57.860.000	729.291.620
Công ty TNHH Mani Hà Nội	419.140.000	268.728.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.286.420.723	832.356.989
b) Dài hạn	-	-
Cộng	35.546.445.766	18.475.858.141

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a – DN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.4 Trả trước cho người bán

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	51.200.575.291	-	25.233.769.217	-
Công ty TNHH tư vấn thiết kế kiến trúc MPN + PARTNERS	4.405.625.000	-	-	-
Công ty TNHH du lịch Latino Việt Nam	870.000.000	-	-	-
Công ty TNHH thương mại - kỹ thuật Vimetech	3.208.500.000	-	3.208.500.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Blue Mount	547.200.000	-	-	-
Công ty TNHH Xuân Thủy (*)	-	-	21.577.211.104	-
Các khách hàng khác	42.169.250.291	-	448.058.113	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	51.200.575.291	-	25.233.769.217	-

(*) Trả trước cho người bán là các bên liên quan

5.5 Phải thu khác

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	4.107.693.694	-	4.201.971.518	-
Tạm ứng (*)	4.080.000.000	-	4.014.876.551	-
Phải thu khác	27.693.694	-	187.094.967	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	4.107.693.694	-	4.201.971.518	-

(*) Trong đó tạm ứng cho Ban quản lý dự án Bệnh viện đa khoa Yên Bình – giai đoạn 2 là 4.000.000.000 đồng.

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thuốc, vật tư y tế, hóa chất y tế	13.600.103.362	-	11.865.165.891	-
Cộng	13.600.103.362	-	11.865.165.891	-

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Mua sắm:	-	-
Xây dựng cơ bản:	464.242.000	-
Dự án đầu tư, xây dựng bệnh viện Việt Yên	464.242.000	-
Cộng	464.242.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a – DN

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, trang thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị văn phòng (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2022	834.000.427.322	164.732.518.205	9.980.776.684	330.714.600	1.009.044.436.811
- Mua trong kỳ	-	678.415.770	-	-	678.415.770
- Đầu tư XDCB hoàn thành	6.810.938.298	-	-	-	6.810.938.298
Số dư tại ngày 30/06/2022	840.811.365.620	165.410.933.975	9.980.776.684	330.714.600	1.016.533.790.879
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2022	36.383.840.825	28.989.532.407	2.490.716.783	73.944.855	67.938.034.870
- Khấu hao trong kỳ	12.200.223.820	5.797.045.423	432.795.391	17.910.730	18.447.975.364
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2022	48.584.064.645	34.786.577.830	2.923.512.174	91.855.585	86.386.010.234
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2022	797.616.586.497	135.742.985.798	7.490.059.901	256.769.745	941.106.401.941
Tại ngày 30/06/2022	792.227.300.975	130.624.356.145	7.057.264.510	238.859.015	930.147.780.645
Trong đó:					
Nguyên giá tài sản thế chấp các khoản vay:					931.079.765.898
GTCL tài sản thế chấp các khoản vay:					880.553.721.550

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a – DN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2022	-	17.386.480.000	17.386.480.000
- Tăng trong kỳ	28.250.000.000	350.000.000	28.600.000.000
Số dư tại ngày 30/06/2022	28.250.000.000	17.736.480.000	45.986.480.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2022	-	2.924.477.412	2.924.477.412
- Khấu hao trong kỳ	-	705.696.666	705.696.666
Số dư tại ngày 30/06/2022	-	3.630.174.078	3.630.174.078
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2022	-	14.462.002.588	14.462.002.588
Tại ngày 30/06/2022	28.250.000.000	14.106.305.922	42.356.305.922

(*) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của "lô đất YT thuộc khu dân cư đường Nguyễn Thế Nho, trị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang" được UBND tỉnh Bắc Giang cấp ngày 28/06/2022.

5.10 Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2022	37.564.119.824	37.564.119.824
Số dư tại ngày 30/06/2022	37.564.119.824	37.564.119.824
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2022	799.957.436	799.957.436
- Khấu hao trong kỳ	431.406.451	431.406.451
Số dư tại ngày 30/06/2022	1.231.363.887	1.231.363.887
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2022	36.764.162.388	36.764.162.388
Tại ngày 30/06/2022	36.332.755.937	36.332.755.937

5.11 Chi phí trả trước

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
a) Ngắn hạn	721.991.389	325.984.141
Công cụ, dụng cụ	721.991.389	325.984.141
b) Dài hạn	18.444.212.319	25.212.495.046
Công cụ, dụng cụ	18.444.212.319	25.212.495.046
Cộng	19.166.203.708	25.538.479.187

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a – DN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2022 (VND)		Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	30/06/2022 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Gốc vay ngắn hạn	70.187.914.221	70.187.914.221	128.417.631.023	113.183.371.014	85.422.174.230	85.422.174.230
(i) Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn – CN Thái Nguyên	59.810.529.123	59.810.529.123	39.512.177.830	73.435.683.392	25.887.023.561	25.887.023.561
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	4.928.646.341	4.928.646.341	-	4.928.646.341	-	-
(ii) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	5.448.738.757	5.448.738.757	88.905.453.193	34.819.041.281	59.535.150.669	59.535.150.669
b) Gốc vay dài hạn	305.497.792.610	305.497.792.610	733.000.000	32.104.639.540	274.126.153.070	274.126.153.070
(iii) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	184.000.000.000	184.000.000.000	-	16.000.000.000	168.000.000.000	168.000.000.000
(iv) Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	16.839.935.664	16.839.935.664	-	2.808.000.000	14.031.935.664	14.031.935.664
(v) Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên	138.000.000	138.000.000	-	69.000.000	69.000.000	69.000.000
(vi) Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	85.979.656.946	85.979.656.946	-	13.227.639.540	72.752.017.406	72.752.017.406
(vii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam -	18.540.200.000	18.540.200.000	733.000.000	-	19.273.200.000	19.273.200.000
Cộng	375.685.706.831	375.685.706.831	129.150.631.023	145.288.010.554	359.548.327.300	359.548.327.300

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a – DN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**c) Phân loại vay dài hạn đến hạn trả**

	01/01/2022 (VND)		30/06/2022 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên	138.000.000	138.000.000	69.000.000	69.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	32.000.000.000	32.000.000.000	32.000.000.000	32.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	5.616.000.000	5.616.000.000	5.616.000.000	5.616.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	26.455.279.080	26.455.279.080	26.455.279.080	26.455.279.080
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	2.269.575.000	2.269.575.000	3.600.000.000	3.600.000.000
Cộng	66.478.854.080	66.478.854.080	67.740.279.080	67.740.279.080

d) Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính

d1 Vay ngắn hạn (d1 = a+c)	136.666.768.301	136.666.768.301	153.162.453.310	153.162.453.310
d2 Vay dài hạn (d2 = b-c)	239.018.938.530	239.018.938.530	206.385.873.990	206.385.873.990
Cộng	375.685.706.831	375.685.706.831	359.548.327.300	359.548.327.300

(i) Hợp đồng tín dụng số 8500-LAV202200031 ngày 07/02/2022 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng 60.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động Y tế khám chữa bệnh. Thời hạn hiệu lực mức cấp tín dụng đến hết ngày 07/01/2023, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/5745705/HĐTD ngày 20/12/2021. Hạn mức vay: 60.000.000.000 VND. Mục đích khoản vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/06/2022. Thời hạn cho vay, lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể theo Hợp đồng tín dụng cụ thể.



CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09a – DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(iii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/5745705/HĐTD ngày 26/8/2019. Hạn mức vay: 200.000.000.000 VND. Mục đích khoản vay: Đầu tư xây dựng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II. Thời hạn vay: 96 tháng. Lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu tiên là 8,2%/năm, 12 tháng tiếp theo là: 8,3%/năm; lãi suất vay thời gian còn lại được thả nổi theo công thức quy định trong hợp đồng vay. Tài sản bảo đảm: Toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và các tài sản khác của Công ty phục vụ vận hành dự án.

(iv) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng cho vay số: 5956.19.093.1699479.TD ngày 05/3/2019. Hạn mức 35.000.000.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động khám chữa bệnh của Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên. Thời hạn vay tối đa 72 tháng. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản bảo đảm được quy định tại Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số: 6113.19.093.1699479.BĐ.

(v) Hợp đồng cấp tín dụng số 8500-LAV-201700745 ngày 14/08/2017 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng 700.000.000 VND. Mục đích vay để đầu tư mua Hệ thống máy siêu âm 4 chiều. Thời hạn cho vay: 60 tháng. Lãi suất thả nổi, xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại Agribank Thái Nguyên công bố tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm biên độ 3,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

(vi) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng số: VN119000653 ngày 20/3/2019. Hạn mức cho vay 130.000.000.000 VND. Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định Dự án Bệnh viện Đa khoa Yên Bình – Thái Nguyên. Kỳ hạn vay: 72 tháng. Lãi suất vay: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng (+) 3,5% một năm. Biện pháp bảo đảm:

- Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai trên Thửa đất số 563 tại Xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ 026290 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp.
- Máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của Bên vay/ bên thứ ba nhằm mục đích triển khai và vận hành dự án.
- Máy móc, thiết bị, tài sản đã hình thành thuộc quyền sở hữu của Bên vay/ bên thứ ba nhằm mục đích triển khai và vận hành dự án.
- Các Quyền tài sản phát sinh từ Dự án nhằm mục đích triển khai, thực hiện và vận hành Dự án.

Các tài sản khác được hình thành từ vốn vay của Bên Cho vay, bao gồm các tài sản, quyền tài sản đã, đang và sẽ hình thành từ vốn vay của Bên Cho vay; các tài sản, quyền tài sản thay thế, bổ sung, luân chuyển, tài sản hình thành từ vốn vay và nguồn thu hình thành từ phương án vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a – DN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(vii) Hợp đồng cho vay cấp tín dụng số 171/21/HĐTD/TN ngày 10/06/2021 và Hợp đồng sửa đổi ngày 20 tháng 09 năm 2021 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Thái Nguyên: Hạn mức tín dụng 19.634.000.000 VND, theo phương thức cho vay từng lần. Mục đích sử dụng khoản cấp tín dụng, lãi suất và thời hạn cho vay được quy định cụ thể trong các hợp đồng cho vay từng lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp: Số dư trên tài khoản thanh toán số 1015012758, Hệ thống chụp hưởng từ MAGNETOM Sempra 1.5 Tesla và phần mềm chụp kết nối phần mềm bệnh viện, một máy gây mê kèm thở có tính năng huy động phế nang và theo dõi khí mê Carestation 650 theo hợp đồng thế chấp số 188/21/HĐTC/TN, Hệ thống phẫu thuật nội soi full HD 1 chip và bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Công ty.

Trái phiếu phát hành	30/06/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)		
	Giá trị	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất năm	Kỳ hạn
- Mệnh giá	92.463.320.000	12%	24 tháng	92.009.480.000	12%	24 tháng
- Chiết khấu	-	-	-	-	-	-
- Phụ trội	-	-	-	-	-	-
Cộng	92.463.320.000			92.009.480.000		

Công ty thực hiện phát hành Trái phiếu riêng lẻ năm 2020, việc phát hành này được Hội đồng Quản trị Công ty thông qua tại Nghị Quyết số 564/2020/NQ-HĐQT ngày 17/08/2020.

Thông tin trái phiếu:

Trái phiếu phát hành bằng Đồng Việt Nam có tổng mệnh giá phát hành tối đa 150 (một trăm năm mươi) tỷ đồng, đáo hạn năm 2022 (“Trái phiếu”) xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không được đảm bảo bởi Tổ chức phát hành và không phải là nợ thứ cấp của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (Tổ chức phát hành). Trái phiếu không chuyển đổi được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

Lãi Trái phiếu: Lãi suất danh nghĩa: 12%/năm; Trái phiếu được hưởng lãi kể từ và bao gồm Ngày phát hành cho đến nhưng không bao gồm ngày tròn 24 tháng kể từ Ngày phát hành (“Ngày đáo hạn”), trừ trường hợp Trái phiếu được mua lại trước hạn. Tiền lãi Trái phiếu được trả sau 03 (ba) tháng một lần, vào các ngày tròn 03 (ba) tháng kể từ ngày phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a – DN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.13 Phải trả người bán

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	21.075.144.902	21.075.144.902	21.992.139.422	21.992.139.422
Công ty Cổ phần Dược Phẩm và Thiết bị y tế Á Châu	1.289.962.130	1.289.962.130	3.609.478.820	3.609.478.820
Hộ kinh doanh TBYT Việt Hà - Phan Thị Chung	3.150.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000
Hộ kinh doanh Phạm Thị Hiền	279.474.006	279.474.006	357.562.100	357.562.100
Công ty Cổ phần y tế Nhất Minh	-	-	1.084.900.000	1.084.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển ACT Việt Nam	4.529.944.975	4.529.944.975	6.275.634.830	6.275.634.830
Các khách hàng khác	11.825.763.791	11.825.763.791	7.514.563.672	7.514.563.672
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	21.075.144.902	21.075.144.902	21.992.139.422	21.992.139.422

5.14 Chi phí phải trả

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
a) Ngắn hạn	907.913.982	937.847.672
Chi phí lãi vay	907.913.982	937.847.672
b) Dài hạn	-	-
Cộng	907.913.982	937.847.672

5.15 Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	7.398.181.819	7.518.181.819
Doanh thu cho thuê mặt bằng	7.398.181.819	7.518.181.819
Cộng	7.398.181.819	7.518.181.819

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a – DN

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2022 (VND)
a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.636.322.856	2.657.409.487	3.143.541.374	1.150.190.969
Thuế giá trị gia tăng	32.418.923	36.000.000	68.418.923	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.412.569.353	1.550.520.356	1.916.352.488	1.046.737.221
Thuế thu nhập cá nhân	191.334.580	1.065.889.131	1.153.769.963	103.453.748
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-	8.123.593	8.123.593
Thuế giá trị gia tăng			8.123.593	8.123.593

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế (kể từ khi đi vào hoạt động đến thời điểm kết thúc kỳ tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa được Cơ quan thuế thực hiện quyết toán thuế). Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a – DN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.17 Người mua trả tiền trước

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	2.060.972.998	2.060.972.998	1.354.380.241	1.354.380.241
Công ty Cổ phần DongWha Việt Nam	49.462.000	49.462.000	49.462.000	49.462.000
Khách hàng khác	2.011.510.998	2.011.510.998	1.304.918.241	1.304.918.241
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.060.972.998	2.060.972.998	1.354.380.241	1.354.380.241

5.18 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	LNST chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2021	415.000.000.000	222.502.211.307	637.502.211.307
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	142.724.369.002	142.724.369.002
Số dư tại ngày 01/01/2022	415.000.000.000	365.226.580.309	780.226.580.309
Tăng vốn trong kỳ này	103.749.980.000	-	103.749.980.000
Lãi trong kỳ này	-	54.293.435.777	54.293.435.777
Phân phối lợi nhuận	-	(103.749.980.000)	(103.749.980.000)
Số dư tại ngày 30/06/2022	518.749.980.000	315.770.036.086	834.520.016.086

Chi tiết số dư vốn góp của các cổ đông

	30/06/2022 (Tỷ lệ)	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Ông Hoàng Tuyên	9,64%	50.000.000.000	40.000.000.000
KWE BETEILIGUNGEN AG	8,77%	45.470.000.000	12.900.000.000
Ông Nguyễn Văn Thủy	5,65%	29.330.000.000	23.464.000.000
Ông Võ Duy Anh	4,99%	25.880.000.000	20.459.000.000
ACCESS S.A., SICAV-SIF - ASIA TOP PICKS	4,93%	25.600.000.000	13.000.000.000
ALBIZIA ASEAN OPPORTUNITIES FUND	4,49%	23.297.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Đôn	3,97%	20.591.250.000	16.473.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu	3,73%	19.325.000.000	15.460.000.000
Ông Lê Xuân Tân	3,61%	18.750.000.000	15.000.000.000
HELVETISCHE BANK AG	3,47%	17.987.500.000	10.900.000.000
KRUNGTHAI ZMICO SECURITIES COMPANY LIMITED	2,64%	13.690.250.000	7.038.000.000
Bà Vũ Thị Hải Yến	2,20%	11.399.000.000	7.714.000.000
Các Cổ đông khác	41,91%	217.429.980.000	232.592.000.000
Cộng	100%	518.749.980.000	415.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a – DN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Cổ phiếu

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Số lượng CP đăng ký phát hành	51.874.998	41.500.000
Số lượng CP đã bán ra công chúng	51.874.998	41.500.000
Cổ phiếu phổ thông	51.874.998	41.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.874.998	41.500.000
Cổ phiếu phổ thông	51.874.998	41.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Doanh thu dịch vụ khám chữa bệnh	206.925.266.300	184.254.397.825
Doanh thu khác	578.084.999	289.090.909
Cộng	207.503.351.299	184.543.488.734

6.2 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	118.110.153.364	99.265.706.468
Cộng	118.110.153.364	99.265.706.468

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Lãi tiền gửi	10.651.137	3.305.050
Cộng	10.651.137	3.305.050

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Lãi tiền vay	19.475.849.142	20.916.871.837
Chi phí phát hành trái phiếu	453.840.000	453.840.000
Cộng	19.929.689.142	21.370.711.837

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a – DN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	13.595.957.797	12.713.783.937
Chi phí nhân viên	8.053.448.474	10.169.991.669
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.188.327.757	701.968.947
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
Thuế phí và lệ phí	153.656.775	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.715.430.612	1.097.025.253
Chi phí khác bằng tiền	1.485.094.179	739.798.068
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	-	-
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	13.595.957.797	12.713.783.937

6.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Thu nhập khác	35.000.000	17.000.000
Cộng	35.000.000	17.000.000

6.7 Chi phí khác

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Các khoản nộp phạt	60.000.000	-
Chi phí khác	9.246.000	-
Cộng	69.246.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**Mẫu số B 09a – DN**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.843.956.133	51.213.591.542
Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm	243.555.838	490.000
- Chi phí không được trừ	243.555.838	490.000
- Các khoản khác	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	56.087.511.971	51.214.081.542
Thu nhập miễn thuế	26.811.359.860	23.374.526.907
Thu nhập tính thuế	29.276.152.111	27.839.554.635
Trong đó:		
- Thu nhập tính thuế theo thuế suất 10% (dịch vụ y tế)	28.698.067.112	27.533.463.726
- Thu nhập tính thuế theo thuế suất 20% (dịch vụ khác)	578.084.999	306.090.909
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.550.520.356	1.437.891.368
Trong đó:		
- Dịch vụ y tế (sau khi giảm 50%)	1.434.903.356	1.376.673.186
- Dịch vụ khác	115.617.000	61.218.182
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.550.520.356	1.437.891.368

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
a) Chi phí sản xuất, KD theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.746.716.331	39.905.142.279
Chi phí nhân công	47.379.402.519	46.206.213.831
Chi phí khấu hao TSCĐ	19.585.078.481	15.278.651.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.253.631.135	9.582.875.276
Chi phí khác bằng tiền	1.741.282.695	1.006.607.059
b) Các khoản ghi giảm chi phí	-	-
Cộng	131.706.111.161	111.979.490.405

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a – DN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

6.10 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	54.293.435.777	49.775.700.174
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	54.293.435.777	49.775.700.174
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	51.874.998	51.874.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.047	960

Lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	54.293.435.777	49.775.700.174
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	54.293.435.777	49.775.700.174
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	51.874.998	51.874.998
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành tăng thêm (*)	42.812.499	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	573	960

Tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 551/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2022, đại hội đồng cổ đông đã thông qua các phương án phát hành cổ phiếu như sau:

- + Thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2022 theo tờ trình số 63/TTr-HĐQT ngày 18/05/2022: 29.937.499 cổ phiếu
- + Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông theo tờ trình số 51/TTr-HĐQT ngày 22/04/2022: 10.375.000 cổ phiếu
- + Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) theo tờ trình số 64/TTr-HĐQT ngày 18/05/2022: 2.500.000 cổ phiếu

Đến thời điểm này Công ty đang thực hiện các thủ tục để phát hành theo các phương án đã được đại hội đồng cổ đông thông qua.

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Báo cáo bộ phận

Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ là dịch vụ khám, chữa bệnh, do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính kết thúc vào 30 tháng 06 năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ tài chính này chỉ diễn ra trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

7.2 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Hội đồng quản trị thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty đầu tư cổ phiếu vào một số các Bệnh viện có cùng các rủi ro. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn và chưa được niêm yết nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) Mẫu số B 09a – DN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Trên 1 năm (VND)	Tổng cộng (VND)
Ngày 30/06/2022			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	118.775.688.223	-	118.775.688.223
Phải thu khách hàng	35.546.445.766	-	35.546.445.766
Đầu tư	-	74.700.000.000	74.700.000.000
Phải thu khác	55.308.268.985	-	55.308.268.985

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a – DN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Trừ:

Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-

Tổng cộng	209.630.402.974	74.700.000.000	284.330.402.974
------------------	------------------------	-----------------------	------------------------

Ngày 30/06/2022

Các khoản vay và nợ	245.625.773.310	206.385.873.990	452.011.647.300
Phải trả người bán	21.075.144.902	-	21.075.144.902
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	11.400.928.034	7.398.181.819	18.799.109.853

Tổng cộng	278.101.846.246	213.784.055.809	491.885.902.055
------------------	------------------------	------------------------	------------------------

Chênh lệch thanh khoản thuần	(68.471.443.272)	(139.084.055.809)	(207.555.499.081)
-------------------------------------	-------------------------	--------------------------	--------------------------

Ngày 01/01/2022**Giá trị ghi sổ:**

Tiền và các khoản tương đương tiền	133.571.316.553	-	133.571.316.553
Phải thu khách hàng	18.475.858.141	-	18.475.858.141
Đầu tư	-	74.700.000.000	74.700.000.000
Phải thu khác	29.435.740.735	-	29.435.740.735

Trừ:

Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-

Tổng cộng	181.482.915.429	74.700.000.000	256.182.915.429
------------------	------------------------	-----------------------	------------------------

Ngày 01/01/2022

Các khoản vay và nợ	228.676.248.301	239.018.938.530	467.695.186.831
Phải trả người bán	21.992.139.422	-	21.992.139.422
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	8.487.039.043	7.518.181.819	16.005.220.862

Tổng cộng	259.155.426.766	246.537.120.349	505.692.547.115
------------------	------------------------	------------------------	------------------------

Chênh lệch thanh khoản thuần	(77.672.511.337)	(171.837.120.349)	(249.509.631.686)
-------------------------------------	-------------------------	--------------------------	--------------------------

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a – DN

Giá trị hợp lý: Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ (VND)		Giá trị hợp lý (VND)	
	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	90.854.714.751	47.911.598.876	90.854.714.751	47.911.598.876
<i>Phải thu khách hàng, phải thu khác</i>	<i>90.854.714.751</i>	<i>47.911.598.876</i>	<i>90.854.714.751</i>	<i>47.911.598.876</i>
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	118.775.688.223	133.571.316.553	118.775.688.223	133.571.316.553
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>118.775.688.223</i>	<i>133.571.316.553</i>	<i>118.775.688.223</i>	<i>133.571.316.553</i>
<i>Tài sản khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng cộng	209.630.402.974	181.482.915.429	209.630.402.974	181.482.915.429
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	452.011.647.300	467.695.186.831	452.011.647.300	467.695.186.831
Phải trả người bán	21.075.144.902	21.992.139.422	21.075.144.902	21.992.139.422
Phải trả khác	18.799.109.853	16.005.220.862	18.799.109.853	16.005.220.862
Tổng cộng	491.885.902.055	505.692.547.115	491.885.902.055	505.692.547.115

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2022 và ngày 01/01/2022. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

7.3 Thông tin về các bên có liên quanCác bên liên quan:

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) Mẫu số B 09a – DN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát	2.166.195.747	2.086.564.641
Cộng	2.166.195.747	2.086.564.641

Giao dịch mua các bên liên quan phát sinh bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Mua của Công ty TNHH Xuân Thủy	Cùng thành viên lãnh đạo	-	2.749.560.300
Cộng		-	2.749.560.300

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/06/2022:

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Công ty TNHH Xuân Thủy	-	40.593.696.803
Cộng	-	40.593.696.803

7.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Đến ngày lập báo cáo giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu để so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Để đảm bảo tính so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” được trình bày lại tương ứng với số cổ phiếu của Công ty lưu hành đến thời điểm 30/06/2022. Chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a – DN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (đơn vị tính: VND):

Chỉ tiêu	30/06/2021 (BCTC giữa niên độ năm 2021)	Số điều chỉnh để trình bày lại	30/6/2021 (Được trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.199	(239)	960

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THU THỦY

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ THÚY AN

CHỦ TỊCH HĐQT



HOÀNG TUYẾN

